BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 20/2005/QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung các Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 11 và Điều 13 của Quy định về việc tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện Đề tài khoa học và công nghệ và Dự án sản xuất thử nghiệm cấp Nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 16/2003/QĐ-BKHCN ngày 18/7/2003 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17/10/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 54/2003/NĐ-CP ngày 19/5/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ và Nghị định số 28/2004/NĐ-CP ngày 16/01/2004 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2003/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 16/2003/QĐ-BKHCN ngày 18/7/2003 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành "Quy định về việc tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện Đề tài khoa học và công nghệ và Dự án sản xuất thử nghiệm cấp Nhà nước";

Theo đề nghị của các Ông Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật, Vụ Khoa học xã hội và tự nhiên và Vụ Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung các Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 11 và Điều 13 của Quy định về việc tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện Đề tài khoa học

và công nghệ và Dự án sản xuất thử nghiệm cấp Nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 16/2003/QĐ-BKHCN ngày 18/7/2003 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ như sau:

"Điều 6:

Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn (gọi tắt là Hồ sơ) gồm những văn bản sau đây:

1. Đơn đăng ký chủ trì thực hiện Đề tài, Dự án SXTN theo biểu mẫu quy định (biểu B1-1-ĐONTC.SĐ);

2. Thuyết minh Đề tài khoa học xã hội và nhân văn, Đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (gọi tắt là Đề tài KHXH và Đề tài KHCN), Dự án SXTN theo mẫu quy định (biểu B1-2-TMKHXH, B1-2-TMKHCN và biểu B1-2-TMDA.SĐ tương ứng);

3. Tóm tắt hoạt động KH&CN của tổ chức đăng ký chủ trì Đề tài, Dự án SXTN (biểu B1-3-LLTC);

4. Lý lịch khoa học của các cá nhân đăng ký thực hiện chính Đề tài, Dự án SXTN (biểu B1-4-LLCN.SĐ);

5. Văn bản xác nhận về sự đồng ý của các tổ chức đăng ký phối hợp nghiên cứu (biểu B1-5-PHNC.SĐ) - nếu có phối hợp nghiên cứu.

6. Các văn bản pháp lý chứng minh khả năng huy động vốn từ nguồn khác (trong trường hợp tổ chức và cá nhân có kê khai huy động được kinh phí từ nguồn vốn khác).

Điều 7.

Tổ chức và cá nhân tham gia tuyển chọn cần gửi 01 bộ Hồ sơ (gồm: 01 bản gốc và 15 bản sao) đến Bộ Khoa học và Công nghệ, 39 Trần Hưng Đạo, Hà Nội (qua Bưu điện hoặc trực tiếp) trong thời hạn quy định.

Bộ Hồ sơ phải được niêm phong và ghi rõ bên ngoài:

1. Tên Đề tài, Dự án SXTN đăng ký tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì;

2. Tên và mã số Chương trình KH&CN (nếu thuộc Chương trình);

Tên lĩnh vực khoa học và công nghệ;

3. Tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký chủ trì Đề tài, Dự án SXTN;

4. Họ, tên của cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm Đề tài, Dự án SXTN và danh sách những người tham gia thực hiện chính Đề tài, Dự án SXTN:

- Để đăng ký tuyển chọn Đề tài KHXH: ghi đầy đủ như đã kê khai tại mục 22 của Biểu B1-2-TMKHXH Thuyết minh Đề tài nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn hoặc Biểu B1-2-TMKHCN Thuyết minh Đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tương ứng;

- Để đăng ký tuyển chọn Dự án SXTN: ghi đầy đủ như đã kê khai tại mục 11 của Biểu B1-2-TMDA.SĐ Thuyết minh Dự án SXTN.

5. Liệt kê danh mục tài liệu, văn bản có trong Hồ sơ.

Hồ sơ phải nộp đúng hạn. Thời điểm nộp Hồ sơ được xác định là ngày ghi ở dấu của Bưu điện Hà Nội (trường hợp gửi qua Bưu điện) hoặc dấu "đến" của Văn thư Bộ KH&CN (trường hợp gửi trực tiếp).

Điều 9.

Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì việc mở Hồ sơ. Đại diện Hội đồng KH&CN tư vấn tuyển chọn, các cơ quan liên quan và đại diện những tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn được mời tham dự.

Quá trình mở Hồ sơ sẽ được ghi thành biên bản có chữ ký và đóng dấu của Bộ Khoa học và Công nghệ, chữ ký của đại diện Hội đồng KH&CN tư vấn tuyển chọn và đại diện tổ chức và cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn (nếu có mặt).

Những Hồ sơ đáp ứng các điều kiện quy định tại các điều 5 và 8 của Quy định về việc tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện Đề tài khoa học và công nghệ và Dự án sản xuất thử nghiệm cấp Nhà nước ban hành kèm theo Quyết định 16/2003/QĐ-BKHCN ngày 18/7/2003 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ (gọi tắt là Quy định 16) và các Điều 6, Điều 7 của Quyết định này sẽ được đưa vào xem xét đánh giá. Đồng thời, phải bảo đảm có ít nhất 2/3 số cá nhân đăng ký tham gia thực hiện chính Đề tài, Dự án được Tổ chức - nơi làm việc của cá nhân xác nhận. Trường hợp Hồ sơ thiếu văn bản pháp lý chứng minh khả năng huy động vốn từ nguồn khác như đã quy định tại mục 6 của Điều 6 Quy định 16 vẫn được coi là hợp lệ, nhưng không được tính điểm huy động vốn khác.

Điều 11.

Việc đánh giá Hồ sơ được tiến hành bằng phương pháp chấm điểm theo các tiêu chí cụ thể tương ứng cho Đề tài nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, Đề tài

nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và Dự án sản xuất thử nghiệm; thang điểm 5 được sử dụng để lượng hóa từng tiêu chí (điểm 1: kém; điểm 2: yếu; điểm 3: trung bình; điểm 4: khá; điểm 5: tốt); hệ số được dùng để chỉ sự quan trọng của tiêu chí.

Các tiêu chí, thang điểm và hệ số cụ thể như sau:

A. Đánh giá tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì Đề tài khoa học xã hội và nhân văn

Tiêu chí đánh giá	Điểm đánh giá						
	Hệ số	Thang điểm					Điểm tối đa
		1	2	3	4	5	
I. Tổng quan tình hình nghiên cứu và luận giải sự cần thiết của đề tài *(Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ mục 10 của Thuyết minh đề tài)*							15
1. Mức độ đầy đủ, rõ ràng của việc đánh giá, phân tích tình hình nghiên cứu ở trong nước và ở ngoài nước; mức độ cập nhật những thông tin mới nhất về lĩnh vực nghiên cứu	1						
2. Đánh giá mặt mạnh, mặt yếu của các công trình nghiên cứu đã có; mức độ làm rõ lịch sử quá trình nghiên cứu vấn đề; mức độ rõ ràng, tính khoa học, cụ thể của việc nêu vấn đề nghiên cứu, luận giải về sự cần thiết phải nghiên cứu đề tài; mức độ cụ thể hóa mục tiêu	2						
II. Cách tiếp cận, nội dung và phương pháp nghiên cứu *(Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 11, 12 và mục 13 của Thuyết minh đề tài)*							25
3. Tính khoa học, độc đáo của cách tiếp cận nghiên cứu	1						
4. Tính đầy đủ, logic, cập nhật và phù hợp của các nội dung nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu tương ứng để đạt mục tiêu của đề tài	2						

Tiêu chí đánh giá	Điểm đánh giá						
	Hệ số	Thang điểm					Điểm tối đa
		1	2	3	4	5	
5. Mức độ làm rõ nội dung chủ yếu phải đạt được của đề tài	2						
III. Kết quả nghiên cứu dự kiến *(Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 16, 17, 18 và mục 19 của Thuyết minh đề tài)*							15
6. Tính đầy đủ, hợp lý và mức độ cụ thể hóa sản phẩm đầu ra so với mục tiêu và nội dung nghiên cứu	1						
7. Tính mới, tính sáng tạo (những đề xuất, những giải pháp có tính mới về bản chất; vấn đề nghiên cứu truyền thống nhưng có quan điểm giải quyết mới,...)	2						
IV. Lợi ích của đề tài *(Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ mục 20 của Thuyết minh đề tài)*							25
8. Tác động dự kiến *(đóng góp mới, mở ra hướng nghiên cứu mới) đến ngành, lĩnh vực khoa học; tác động đến xã hội nói chung (đóng góp cho hoạch định chủ trương, chính sách; khả năng chuyển biến nhận thức của xã hội,...);* khả năng sử dụng thực tế kết quả nghiên cứu - *nêu được địa chỉ áp dụng*	2						
9. Dự kiến công bố các công trình ở trong nước và ở ngoài nước	1						
10. Dự kiến đóng góp cho đào tạo sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) thông qua việc thực hiện đề tài	1						
11. Mức độ nâng cao năng lực nghiên cứu của các cá nhân và tập thể khoa học thông qua việc thực hiện đề tài	1						

Tiêu chí đánh giá	Điểm đánh giá						
	Hệ số	Thang điểm					Điểm tối đa
		1	2	3	4	5	
V. Tính khả thi của đề tài *(Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 14, 15, 21, 22, 23 của Thuyết minh đề tài, Dự toán kinh phí chi tiết thực hiện đề tài và các bản Tóm tắt hoạt động của tổ chức, Lý lịch khoa học của các cá nhân thực hiện chính đề tài)*							20
12. Năng lực chuyên môn và thời gian thực tế có thể dành cho nghiên cứu của các cán bộ KH&CN thực hiện chính đề tài	2						
13. Năng lực tổ chức thực hiện (tính khoa học và hợp lý trong bố trí kế hoạch, các mốc phải đạt, khả năng hoàn thành, khả năng hợp tác nghiên cứu ...);	1						
14. Mức độ xác thực của tổng dự toán kinh phí so với chất lượng và số lượng sản phẩm dự kiến tạo ra; tính hợp lý của việc phân bổ kinh phí cho các nội dung nghiên cứu	1						
Tổng số:							**100**

B. Đánh giá tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì Đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

Tiêu chí đánh giá	Điểm đánh giá						
	Hệ số	Thang điểm					Điểm tối đa
		1	2	3	4	5	
I. Tổng quan tình hình nghiên cứu và luận giải sự cần thiết của đề tài *(Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 10 và mục 11 của Thuyết minh đề tài)*							10
1. Mức độ đầy đủ, rõ ràng của việc đánh giá, phân tích tình hình nghiên cứu và so sánh sự khác biệt trình độ của sản phẩm, công nghệ ở trong nước và ở ngoài nước	1						
2. Đánh giá mặt mạnh, mặt yếu của các công trình nghiên cứu đã có và những hạn chế của sản phẩm, công nghệ trong nước cần giải quyết; mức độ rõ ràng, tính khoa học, cụ thể của việc luận giải về sự cần thiết phải nghiên cứu đề tài; mức độ cụ thể hóa mục tiêu	1						
II. Cách tiếp cận, nội dung và phương pháp nghiên cứu *(Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 12, 13 và 14 của Thuyết minh đề tài)*							20
3. Tính khoa học, độc đáo của cách tiếp cận nghiên cứu	1						
4. Tính đầy đủ, phù hợp và logic của nội dung nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu tương ứng để đạt mục tiêu của đề tài	2						
5. Mức độ làm rõ nội dung quan trọng, chủ yếu của đề tài	1						
III. Kết quả nghiên cứu dự kiến *(Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 16, 17 và 18 của Thuyết minh đề tài)*							25

Tiêu chí đánh giá	Điểm đánh giá						
	Hệ số	Thang điểm					Điểm tối đa
		1	2	3	4	5	
6. Tính đầy đủ, hợp lý và tương thích về số lượng và chất lượng của sản phẩm, kết quả nghiên cứu so với mục tiêu và nội dung nghiên cứu	1						
7. Trình độ KH&CN của sản phẩm, công nghệ dự kiến tạo ra so với trình độ của sản phẩm, công nghệ tương tự trong nước và ngoài nước	3						
8. Tính phù hợp và khả thi của sản phẩm, kết quả tạo ra trong điều kiện Việt Nam	1						
IV. Khả năng ứng dụng và hiệu quả của đề tài *(Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 18, 19, 20 và mục 21 của Thuyết minh đề tài)*							15
9. Hiệu quả kinh tế - xã hội, tác động KH&CN	1						
10. Tính khả thi của các phương án chuyển giao, nhân rộng, thương mại hóa kết quả nghiên cứu.	1						
11. Khả năng cạnh tranh của công nghệ hoặc sản phẩm tạo ra so với nhập công nghệ hoặc mua sản phẩm tương tự	1						
V. Tính khả thi của đề tài *(Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 15, 20, 21, 22, 23 của Thuyết minh đề tài, Dự toán kinh phí chi tiết thực hiện đề tài và các bản Tóm tắt hoạt động của tổ chức, Lý lịch khoa học của các cá nhân thực hiện chính đề tài)*							30
12. Năng lực chuyên môn và thời gian thực tế có thể dành cho nghiên cứu của các cán bộ KH&CN thực hiện chính đề tài	2						
13. Năng lực tổ chức thực hiện (tính khoa học và hợp lý trong bố trí kế hoạch, các mốc phải đạt, khả năng hoàn thành...)	1						

Tiêu chí đánh giá	Điểm đánh giá						
	Hệ số	Thang điểm					Điểm tối đa
		1	2	3	4	5	
14. Cơ sở vật chất; hợp tác trong nước và ngoài nước phục vụ đề tài	1						
15. Mức độ xác thực của tổng dự toán kinh phí so với chất lượng và số lượng sản phẩm dự kiến tạo ra; tính hợp lý của việc phân bổ kinh phí cho các nội dung nghiên cứu (đặc biệt là các khoản chi công lao động và mua sắm thiết bị nghiên cứu)	2						
Tổng số:							**100**

C. Đánh giá tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì Dự án SXTN

Tiêu chí đánh giá	Điểm đánh giá						
	Hệ số	Thang điểm					Điểm tối đa
		1	2	3	4	5	
I. Giá trị công nghệ của dự án *(Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 13.1, 14.2, 15.1 và 15.2 của Thuyết minh dự án)*							20
1. Mức độ hoàn thiện công nghệ của dự án	2						
2. Trình độ công nghệ của sản phẩm, công nghệ chủ yếu của dự án so với trình độ sản phẩm, công nghệ tương tự trong nước và ở nước ngoài	2						
II. Phương án triển khai dự án *(Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ mục 16 của Thuyết minh dự án)*							20
3. Tính hợp lý, khả thi của phương án tổ chức thực hiện	1						
4. Tính hợp lý, đầy đủ, chính xác của phương án tài chính	1						

Tiêu chí đánh giá	Điểm đánh giá						
	Hệ số	Thang điểm					Điểm tối đa
		1	2	3	4	5	
5. Tính rõ ràng và khả thi của phương án kinh doanh sản phẩm và khả năng hoàn trả kinh phí thu hồi	2						
III. Tổng đầu tư và lợi ích trực tiếp của dự án *(Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ phần III, các mục 16.2, 13.2 và 13.3 của Thuyết minh dự án)*							10
6. Tính hợp lý của tổng đầu tư thực hiện dự án so với kết quả dự kiến tạo ra	1						
7. Lợi ích trực tiếp dự kiến mang lại	1						
IV. Khả năng thương mại và phát triển lâu dài của dự án sau khi kết thúc *(Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 13.5 và mục 16.3 của Thuyết minh dự án)*							20
8. Khả năng chuyển giao kết quả của dự án	1						
9. Khả năng chiếm lĩnh thị trường của kết quả dự án ở trong nước và ngoài nước	2						
10. Khả năng nhân rộng và phát triển lâu dài của dự án ở trong nước và ngoài nước	1						
V. Năng lực thực hiện dự án *(Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 13.4, 16 và phần III của Thuyết minh dự án và các bản Tóm tắt hoạt động của tổ chức, Lý lịch khoa học của các cá nhân thực hiện chính đề tài, dự án)*							30
11. Năng lực, uy tín, thời gian thực tế có thể dành cho việc thực hiện dự án của cán bộ KH&CN thực hiện chính	2						

Tiêu chí đánh giá	Điểm đánh giá						
	Hệ số	Thang điểm					Điểm tối đa
		1	2	3	4	5	
12. Cơ sở vật chất; mức độ cam kết của các đối tác trong nước và ngoài nước hỗ trợ thực hiện dự án	1						
13. Mức độ xác thực của kinh phí đề nghị hỗ trợ so với kết quả và mục đích đầu tư và tính hợp lý của việc phân bổ các khoản chi tương ứng để thực hiện dự án	1						
14. Mức độ cam kết về nguồn tài chính khác (tính khả thi của việc huy động nguồn tài chính khác)	2						
Tổng số:							**100**

Điều 13:

Hội đồng phân công 2 chuyên gia am hiểu sâu lĩnh vực nghiên cứu của Đề tài, Dự án SXTN làm phản biện nhận xét và đánh giá tất cả các Hồ sơ đăng ký tuyển chọn chủ trì thực hiện một (01) Đề tài, Dự án SXTN. Khi cần thiết, Hội đồng kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ mời các chuyên gia am hiểu sâu lĩnh vực nghiên cứu Đề tài, Dự án SXTN ở ngoài Hội đồng nhận xét và đánh giá Hồ sơ (các chuyên gia này không bỏ phiếu đánh giá Hồ sơ).

Chuyên gia phản biện có trách nhiệm nghiên cứu, phân tích và so sánh các Hồ sơ đăng ký tuyển chọn chủ trì thực hiện một (01) Đề tài, Dự án SXTN, tiến hành nhận xét và đánh giá từng Hồ sơ theo từng chỉ tiêu đã nêu tại Điều 11 đã sửa đổi của Quy định này tương ứng cho Đề tài KHXH, Đề tài KHCN và Dự án SXTN, viết bản nhận xét và đánh giá đối với từng Hồ sơ.

Hội đồng tổ chức họp thảo luận, đánh giá bằng cách bỏ phiếu chấm điểm.

Trong trường hợp chỉ có một (01) Hồ sơ tham gia tuyển chọn chủ trì một (01) Đề tài, Dự án SXTN, Hội đồng vẫn tổ chức đánh giá theo các tiêu chuẩn và quy trình nêu trong Quy định này.

Tổ chức, cá nhân được đề nghị trúng tuyển chủ trì Đề tài KHXH, Đề tài KHCN là tổ chức, cá nhân có Hồ sơ được xếp hạng cao nhất, nhưng tổng số điểm trung

bình tối thiểu phải đạt 70/100 điểm, trong đó, điểm trung bình của từng tiêu chí không dưới 3 điểm.

Tổ chức, cá nhân được đề nghị trúng tuyển chủ trì Dự án SXTN là tổ chức, cá nhân có Hồ sơ được xếp hạng cao nhất, nhưng tổng số điểm trung bình tối thiểu phải đạt 65/100 điểm, trong đó, điểm trung bình của từng tiêu chí không dưới 3 điểm.

Hội đồng xếp hạng các Hồ sơ đăng ký chủ trì một (01) Đề tài có tổng số điểm trung bình từ 70/100 điểm trở lên, trong đó, điểm trung bình của từng tiêu chí không dưới 3 điểm (hoặc các Hồ sơ đăng ký chủ trì 01 Dự án SXTN có tổng số điểm trung bình từ 65/100 điểm trở lên, trong đó, điểm trung bình của từng tiêu chí không dưới 3 điểm), theo các nguyên tắc sau đây:

- Tổng số điểm trung bình theo thứ tự từ cao xuống thấp;

- Ưu tiên điểm của Chủ tịch Hội đồng (hoặc điểm của Phó Chủ tịch, trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt) đối với các Hồ sơ có cùng tổng số điểm trung bình;

Đối với các Hồ sơ có cùng tổng số điểm trung bình, điểm của Chủ tịch Hội đồng (hoặc điểm của Phó Chủ tịch, trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt), Hội đồng kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét quyết định.

Trường hợp một Đề tài không có Hồ sơ nào đạt tổng số điểm trung bình từ 70/100 điểm trở lên (hoặc một Dự án SXTN không có Hồ sơ nào đạt tổng số điểm trung bình từ 65/100 điểm trở lên), Đề tài, Dự án SXTN này sẽ không được đưa vào thực hiện trong năm kế hoạch.

Hội đồng thảo luận để kiến nghị những điểm bổ sung, sửa đổi cần thiết về những nội dung đã nêu trong Thuyết minh Đề tài, Dự án SXTN và khuyến nghị về kinh phí cho việc thực hiện Đề tài, Dự án SXTN hoặc nêu những điểm cần lưu ý trong quá trình hoàn thiện Hồ sơ của tổ chức và cá nhân được lựa chọn.

Hội đồng ghi biên bản đánh giá về các Hồ sơ đã đăng ký tuyển chọn và kiến nghị tổ chức và cá nhân trúng tuyển.

Phương thức làm việc của Hội đồng KH&CN tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì Đề tài, Dự án SXTN cấp Nhà nước được quy định tại Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ."

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Các Ông Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật, Vụ Khoa học xã hội và tự nhiên, Vụ Kế hoạch - Tài chính, Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Quốc Thắng

B1-1-ĐONTC.SĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
_____o0o_____

ĐƠN ĐĂNG KÝ[1]
CHỦ TRÌ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN CẤP NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 20/2005/QĐ-BKHCN ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Kính gửi: **Bộ Khoa học và Công nghệ**

Căn cứ thông báo của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện Đề tài, Dự án SXTN năm 200..., chúng tôi:

a) .....
.....
.....
.....
.....

(Tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký tuyển chọn làm cơ quan chủ trì Đề tài, Dự án SXTN)

b) .....
.....
.....

(Họ và tên, học vị, chức vụ địa chỉ cá nhân đăng ký tuyển chọn làm chủ nhiệm Đề tài, Dự án SXTN)

xin đăng ký chủ trì thực hiện Đề tài, Dự án SXTN:

---

[1] Đơn này được trình bày và in ra trên khổ giấy A4

.....
.....
.....
.....

Thuộc lĩnh vực KH&CN:

.....

Thuộc Chương trình KH&CN (nếu có):

.....

Mã số của Chương trình: .....

Hồ sơ đăng ký tuyển chọn chủ trì thực hiện Đề tài, Dự án SXTN gồm:

1. Thuyết minh đề tài theo biểu *B1-2-TMKHXH* hoặc *B1-2-TMKHCN*, hoặc Thuyết minh dự án SXTN theo biểu *B1-2-TMDA.SĐ*;

2. Tóm tắt hoạt động KH&CN của tổ chức đăng ký chủ trì Đề tài, Dự án SXTN theo biểu B1-3-LLTC;

3. Lý lịch khoa học của.....[2] cá nhân đăng ký chủ nhiệm *và tham gia chính* Đề tài, Dự án SXTN theo biểu B1-4-LLCN.SĐ;

4. Văn bản xác nhận về sự đồng ý của các *tổ chức đăng ký phối hợp nghiên cứu (biểu B1-5-PHNC.SĐ)* - nếu có phối hợp nghiên cứu;

5. Các văn bản pháp lý chứng minh khả năng huy động vốn từ nguồn khác (nếu có kê khai huy động vốn từ nguồn khác).

Chúng tôi xin cam đoan những nội dung và thông tin kê khai trong Hồ sơ này là đúng sự thật.

....., ngày..... tháng..... năm 200...

CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN	**THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN**
(Họ, tên và chữ ký)	(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

[2] Ghi số người đăng ký tham gia thực hiện chính đề tài, dự án SXTN.

B1-2-TMKHXH

THUYẾT MINH ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN[1]

(Kèm theo Quyết định số 20/2005/QĐ-BKHCN ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI

1 Tên đề tài	**2 Mã số**
3 Thời gian thực hiện: ..... tháng (Từ tháng ...../200.... đến tháng...../200....)	**4 Cấp quản lý** Nhà nước ☐ Bộ ☐ Cơ sở ☐ Tỉnh ☐

5 Kinh phí..... triệu đồng, trong đó:

Nguồn	Tổng số (triệu đồng)
- Từ Ngân sách sự nghiệp khoa học	
- Từ nguồn tự có của cơ quan	
- Từ nguồn khác	

6 ☐ **Thuộc Chương trình (ghi rõ tên chương trình, nếu có)**

☐ **Đề tài độc lập**

7 Chủ nhiệm đề tài

Họ và tên:.....
Năm sinh: ..... Nam/Nữ:.....
Học hàm:..... Năm được phong hàm:.....
Học vị: ..... Năm đạt học vị:.....
Chức danh khoa học:.....
Chức vụ: .....
Điện thoại: Cơ quan:..... Nhà riêng:..... Mobile:.....
Fax: ..... E-mail: .....

---

[1] Mẫu Thuyết minh này không dùng cho đề tài nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn.
Thuyết minh được trình bày và in ra trên khổ giấy A4.

Tên cơ quan đang công tác: .....
Địa chỉ cơ quan: .....
Địa chỉ nhà riêng: .....

8 Cơ quan chủ trì đề tài

Tên cơ quan chủ trì đề tài: .....
Điện thoại: ..... Fax:.....
E-mail: .....Website: .....
Địa chỉ: .....
Họ và tên thủ trưởng cơ quan: .....
Số tài khoản: .....
Ngân hàng: .....
Tên cơ quan chủ quản đề tài: .....
.....

II. NỘI DUNG KHOA HỌC CỦA ĐỀ TÀI

9 Mục tiêu của đề tài (bám sát và cụ thể hóa mục tiêu đặt hàng - nếu có đặt hàng)

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

10 Tổng quan tình hình nghiên cứu và luận giải sự cần thiết phải nghiên cứu đề tài

(Trên cơ sở đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước, phân tích những công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài, những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu đề tài; đánh giá phân tích những mặt mạnh, mặt yếu của những công trình nghiên cứu đã có, làm rõ lịch sử của quá trình nghiên cứu đối với lĩnh vực nghiên cứu của đề tài từ đó nêu rõ tình huống nảy sinh vấn đề nghiên cứu, luận chứng, cụ thể hóa được tính cấp thiết của đề tài và những vấn đề mới về KH&CN mà đề tài đặt ra nghiên cứu)

10.1. Tình trạng đề tài

☐ Mới ☐ Kế tiếp (tiếp tục hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả)

10.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài

Ngoài nước (phân tích, đánh giá được những công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài, những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu đề tài):

.....

.....

.....

.....

Trong nước (phân tích, đánh giá cụ thể tình hình nghiên cứu trong nước thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, đặc biệt phải nêu được chi tiết những kết quả nghiên cứu liên quan đến đề tài mà các cán bộ tham gia đề tài đã thực hiện; nếu có các đề tài cùng bản chất đang thực hiện hoặc đăng ký nghiên cứu ở cấp khác, nơi khác của nhóm nghiên cứu phải giải trình rõ các nội dung liên quan đến đề tài này; nếu phát hiện có đề tài đang tiến hành mà đề tài này có thể phối hợp nghiên cứu được thì cần ghi cụ thể Tên đề tài, tên Chủ nhiệm đề tài và Cơ quan chủ trì đề tài đó):

.....

.....

.....

Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài đã nêu trong phần tổng quan này (tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố):

.....

.....

.....

.....

.....

10.3. Tính cấp thiết của đề tài:

.....

.....

.....

.....

.....

10.4 Những vấn đề mới** (về lý luận và thực tiễn) **đề tài đặt ra nghiên cứu

.....
.....
.....
.....
.....

11 Cách tiếp cận đề tài

(Luận cứ và làm rõ tính mới, sáng tạo, độc đáo trong cách tiếp cận đề tài; hướng giải quyết các vấn đề của đề tài)

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

12 Nội dung nghiên cứu

[Liệt kê và mô tả cụ thể những nội dung cần nghiên cứu: hệ thống hóa và chỉ rõ những nội dung kế thừa những kết quả nghiên cứu đã có, *nêu bật được những nội dung mới, những nội dung quan trọng nhất để đạt mục tiêu của đề tài;* những hoạt động chuyển giao để ứng dụng kết quả nghiên cứu của đề tài (nếu có)]

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

13	**Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng**

(Luận cứ rõ việc lựa chọn các phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng phù hợp với từng nội dung của đề tài; làm rõ tính mới, sáng tạo, độc đáo của các phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

14	**Hợp tác quốc tế** (nếu có)	
Đã hợp tác	**Tên đối tác** *(Người và tổ chức khoa học và công nghệ)*	**Nội dung hợp tác** *(Ghi rõ nội dung, lý do, hình thức hợp tác, kết quả thực hiện hỗ trợ cho đề tài này)*
Dự kiến hợp tác	**Tên đối tác** *(Người và tổ chức khoa học và công nghệ)*	**Nội dung hợp tác** *(Ghi rõ nội dung cần hợp tác; lý do hợp tác; hình thức thực hiện; dự kiến kết quả hợp tác đáp ứng yêu cầu của đề tài)*

15	**Tiến độ thực hiện** (phù hợp với những nội dung đã nêu tại mục 12)			
	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện (các mốc đánh giá chủ yếu)	**Kết quả phải đạt**	**Thời gian** (bắt đầu, kết thúc)	**Người, cơ quan thực hiện**
1	2	3	4	5

III. DỰ KIẾN KẾT QUẢ CỦA ĐỀ TÀI

16	**Dạng kết quả dự kiến của đề tài**	
Dạng kết quả I	**Dạng kết quả II**	**Dạng kết quả III**
☐ Nguyên lý	☐ Sơ đồ, bản đồ	☐ Bài báo
☐ Phương pháp	☐ Bảng số liệu	☐ Sách chuyên khảo
☐ Tiêu chuẩn	☐ Báo cáo phân tích	☐ Tài liệu phục vụ giảng dạy, đào tạo sau đại học
Quy phạm	☐ Tài liệu dự báo	
	☐ Đề án, quy hoạch triển khai	
	☐ Luận chứng kinh tế - kỹ thuật, báo cáo nghiên cứu khả thi	
	☐ Mô hình	
☐ Khác	☐ Khác	☐ Khác

17	Yêu cầu khoa học đối với sản phẩm dự kiến tạo ra (dạng kết quả I, II)		
Thứ tự	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học dự kiến đạt được	Ghi chú
1	2	3	4

18	Yêu cầu khoa học đối với sản phẩm dự kiến tạo ra (dạng kết quả III)			
Thứ tự	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học dự kiến đạt được	Nơi công bố (Tạp chí, Nhà xuất bản)	Ghi chú
1	2	3	4	5

19 Khả năng ứng dụng, phương thức và địa chỉ chuyển giao kết quả nghiên cứu

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

20 Các lợi ích mang lại và các tác động của kết quả nghiên cứu

20.1. Đối với việc xây dựng đường lối, pháp luật, chính sách

.....

.....

.....

.....

.....

20.2. Đối với phát triển kinh tế - xã hội

.....

.....

.....

.....

.....

20.3. Đối với nơi ứng dụng kết quả nghiên cứu

.....

.....

.....

.....

.....

20.4. Đối với phát triển lĩnh vực khoa học có liên quan

.....

.....

.....

.....

.....

20.5. Đối với công tác đào tạo cán bộ khoa học (kể cả việc nâng cao năng lực nghiên cứu của các cá nhân và tập thể khoa học thông qua việc thực hiện đề tài)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

IV. CÁC TỔ CHỨC/CÁ NHÂN THAM GIA THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

21 Các tổ chức, cá nhân phối hợp thực hiện đề tài

(Ghi các tổ chức, cá nhân phối hợp chính tham gia thực hiện đề tài và phần nội dung công việc tham gia)

	Tên tổ chức, cá nhân	Địa chỉ	Nội dung công việc tham gia	Dự kiến kinh phí
1	2	3	4	5
1				
2				
3				
4				

22 Cán bộ thực hiện đề tài

(Ghi những người dự kiến đóng góp khoa học chính thuộc tổ chức chủ trì và cơ quan phối hợp tham gia thực hiện đề tài, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm đề tài - mỗi người có tên trong danh sách này cần khai báo lý lịch khoa học theo Biểu B1-4-LLCN.SĐ)

	Họ và tên	Cơ quan công tác	Thời gian làm việc cho đề tài (Số tháng quy đổi[2])
1	Chủ nhiệm đề tài		
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			

[2] Một (01) tháng quy đổi là tháng gồm 22 ngày làm việc,. mỗi ngày làm việc gồm 08 tiếng.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ

(Giải trình chi tiết xem phụ lục kèm theo)

Đơn vị: triệu đồng

23	**Kinh phí thực hiện đề tài phân theo các khoản chi**					
	Nguồn kinh phí	**Tổng số**	**Trong đó**			
			Công lao động (khoa học, phổ thông)	**Nguyên, vật liệu**	**Thiết bị, máy móc**	**Chi khác**
1	2	3	4	5	6	7
	Tổng kinh phí					
	Trong đó:					
1	Ngân sách SNKH: - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba:					
2	Các nguồn vốn khác - Vốn tự có của cơ sở - Khác (vốn huy động, ...)					

....., ngày..... tháng..... năm 200...

Thủ trưởng
Cơ quan chủ trì đề tài
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Chủ nhiệm đề tài
(Họ tên và chữ ký)

Thủ trưởng
Cơ quan chủ quản đề tài[3]
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Bộ Khoa học và Công nghệ[4]
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

[3] Chỉ ký tên, đóng dấu khi đề tài được phê duyệt
[4] Chỉ ký tên, đóng dấu khi đề tài được phê duyệt

Phụ lục

DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ TÀI

(Theo nội dung chi)

Đơn vị: triệu đồng

Số thứ tự	Nội dung các khoản chi	Tổng số		Nguồn vốn					
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	SNKH				Tự có	Khác
				Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Công lao động (khoa học, phổ thông)								
2	Nguyên, vật liệu								
3	Thiết bị, máy móc								
4	Chi khác								
Tổng cộng:									

DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ TÀI

*(Theo nhóm mục chi)**

Đơn vị: triệu đồng

Số thứ tự	Nhóm mục chi	Tổng số		Nguồn vốn					
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	SNKH				Tự có	Khác
				Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	Nhóm 1: Thanh toán cá nhân								
	(bao gồm các mục chi: 100, 101, 102, 106)								
II	Nhóm 2: Nghiệp vụ chuyên môn								
	(bao gồm các mục chi: 109, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 117, 119)								
III	Nhóm 3: Mua sắm sửa chữa								
	(bao gồm các mục chi: 118, 144, 145, 157)								
IV	Nhóm 4: Các khoản chi khác								
	(bao gồm các mục chi: 134,...)								
Tổng cộng:									

** Ghi chú: Các mục chi của Hệ thống Mục lục Ngân sách nhà nước được ban hành theo Quyết định số 280/TC-QĐ-NSNN ngày 15/4/1997của Bộ trưởng Bộ Tài chính và được sửa đổi, bổ sung tại các Quyết định số 26/2004/QĐ-BTC ngày 18/3/2004 và Quyết định số 23/2005/QĐ-BTC ngày 15/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính*

GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

Khoản 1. Công lao động (khoa học, phổ thông)

Đơn vị: triệu đồng

Số thứ tự	Mục chi	Nội dung	Tổng kinh phí	Nguồn vốn					
				SNKH				Tự có	Khác
				Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1		Thuê khoán lao động khoa học (thuê khoán nghiên cứu, báo cáo khoa học, nhận xét chuyên gia, thuê chuyên gia nước ngoài, nghiên cứu thiết kế mẫu điều tra, điều tra, khảo sát, thù lao thuê khoán khác...)							
2		Thuê khoán lao động phổ thông							
		Cộng							

Khoản 2. Nguyên vật liệu

Đơn vị: triệu đồng

Số thứ tự	Mục chi	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn					
							SNKH				Tự có	Khác
							Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1		Nguyên, vật liệu										
2		Mua sách, tài liệu, số liệu										
	Cộng:											

Khoản 3. Thiết bị, máy móc

Đơn vị: triệu đồng

Số thứ tự	Mục chi	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn					
							SNKH				Tự có	Khác
							Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1		Mua thiết bị										
2		Thuê thiết bị *(ghi tên thiết bị, thời gian thuê)*										
	Cộng:											

Khoản 4. Chi khác

Đơn vị: triệu đồng

Số thứ tự	Mục chi	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn					
				SNKH				Tự có	Khác
				Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1		***Công tác trong nước*** (địa điểm, thời gian, số lượt người)							
2		***Hợp tác quốc tế***							
a		Đoàn ra (nước đến, số người, số ngày, số lần,...)							
b		Đoàn vào (số người, số ngày, số lần...)							
3		***Kinh phí quản lý*** (của cơ quan chủ trì)							
4		***Chi phí đánh giá, kiểm tra nội bộ, nghiệm thu các cấp***							
		- Chi phí kiểm tra trung gian							
		- Chi nghiệm thu trung gian							
		- Chi phí nghiệm thu nội bộ							
		- Chi phí nghiệm thu ở cấp quản lý đề tài							

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
5		*Chi khác*							
		- Hội thảo							
		- Hội nghị							
		- Ấn loát tài liệu, văn phòng phẩm							
		- Dịch tài liệu							
		- Đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ							
		- Khác							
6		***Phụ cấp chủ nhiệm đề tài***							
		Cộng:							

B1-2-TMKHCN

THUYẾT MINH ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ[1]

(Kèm theo Quyết định số 20/2005/QĐ-BKHCN ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI

1	**Tên đề tài**	**2**	**Mã số**
3	**Thời gian thực hiện: ..... tháng** **(Từ tháng...../200.... đến tháng...../200....)**	**4**	**Cấp quản lý** Nhà nước☐ Bộ ☐ Cơ sở ☐ Tỉnh☐

5 Kinh phí..... triệu đồng, trong đó:

Nguồn	**Tổng số** (triệu đồng)
- Từ Ngân sách sự nghiệp khoa học	
- Từ nguồn tự có của cơ quan	
- Từ nguồn khác	

6 ☐ **Thuộc Chương trình** (ghi rõ tên chương trình, nếu có)

☐ **Thuộc Dự án KH&CN**[2] (ghi rõ tên dự án KH&CN, nếu có)

☐ **Đề tài độc lập**

7 Lĩnh vực khoa học

☐ Tự nhiên; ☐ Nông, lâm, ngư nghiệp;
☐ Kỹ thuật (Công nghiệp, XD, GT, ...); ☐ Y dược.

8 Chủ nhiệm đề tài

Họ và tên:.....
Năm sinh: ....
Nam/Nữ: .....

[1] Mẫu Thuyết minh này dùng cho đề tài nghiên cứu ứng dụng và triển khai thực nghiệm thuộc các lĩnh vực khoa học đã nêu tại mục 7, trang 1 của Thuyết minh. Thuyết minh được trình bày và in ra trên khổ giấy A4.

[2] Theo Quy định tạm thời về việc xây dựng và quản lý các dự án khoa học và công nghệ (Quyết định số 11/2005/QĐ-BKHCN ngày 25/8/2005 của Bộ trưởng Bộ KH&CN)

Học hàm: ..... Năm được phong học hàm:.....
Học vị: ..... Năm đạt học vị: .....
Chức danh khoa học:.....Chức vụ: .....
Điện thoại:
Cơ quan:..... Nhà riêng:..... Mobile: .....
Fax:..... E-mail: .....
Tên cơ quan đang công tác: .....
.....
Địa chỉ cơ quan: .....
.....
Địa chỉ nhà riêng: .....
.....

9 Cơ quan chủ trì đề tài

Tên cơ quan chủ trì đề tài: .....
.....
Điện thoại:..... Fax:.....
E-mail: .....
Website:.....
Địa chỉ: .....
.....
Họ và tên thủ trưởng cơ quan:.....
Số tài khoản:.....
Ngân hàng: .....
Tên cơ quan chủ quản đề tài: .....

II. NỘI DUNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA ĐỀ TÀI

10 Mục tiêu của đề tài (bám sát và cụ thể hóa mục tiêu đặt hàng - nếu có đặt hàng)

.....
.....
.....
.....
.....
.....

11 Tổng quan tình hình nghiên cứu và luận giải sự cần thiết phải nghiên cứu đề tài

(Trên cơ sở đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước, phân tích những công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài, những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu đề tài, đánh giá những khác biệt về trình độ KH&CN trong nước và thế giới, nêu được những gì đã giải quyết rồi, những gì còn tồn tại, chỉ ra những hạn chế cụ thể, từ đó nêu được hướng giải quyết - luận giải, cụ thể hóa được tính cấp thiết của đề tài và những vấn đề mới về KH&CN mà đề tài đặt ra nghiên cứu)

11.1. Tình trạng đề tài

☐ Mới ☐ Kế tiếp (tiếp tục hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả)

11.2. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài

Ngoài nước (phân tích, đánh giá được những công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài, những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu đề tài; nêu được những khác biệt về trình độ KH&CN trong nước và thế giới):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Trong nước: (Phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu trong nước thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, đặc biệt phải nêu cụ thể được những kết quả KH&CN liên quan đến đề tài mà các cán bộ tham gia đề tài đã thực hiện; nếu có các đề tài cùng bản chất đang thực hiện hoặc đăng ký nghiên cứu ở cấp khác, nơi khác của nhóm nghiên cứu phải giải trình rõ các nội dung kỹ thuật liên quan đến đề tài này; nếu phát hiện có đề tài đang tiến hành mà đề tài này có thể phối hợp nghiên cứu được thì cần ghi cụ thể Tên đề tài, tên Chủ nhiệm đề tài và Cơ quan chủ trì đề tài đó)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

11.3. Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài đã nêu trong phần tổng quan (tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố - chỉ ghi những công trình tác giả thật tâm đắc và đã trích dẫn để luận giải cho sự cần thiết nghiên cứu đề tài)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

11.4. Phân tích, đánh giá cụ thể những vấn đề KH&CN còn tồn tại, hạn chế của sản phẩm, công nghệ nghiên cứu trong nước và các yếu tố, các nội dung cần đặt ra nghiên cứu, giải quyết ở đề tài này *(nêu rõ, nếu thành công thì đạt được những vấn đề gì)*

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

12 Cách tiếp cận

(Luận cứ rõ việc lựa chọn cách tiếp cận phù hợp đối tượng nghiên cứu để đạt mục tiêu đặt ra)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

13 Nội dung nghiên cứu ứng dụng và triển khai thực nghiệm

(Liệt kê và mô tả những nội dung nghiên cứu ứng dụng và triển khai thực nghiệm cần tiến hành để đạt được mục tiêu đặt ra, ***trong đó, chỉ rõ những nội dung mới, nội dung quan trọng nhất để tạo ra sản phẩm, công nghệ chủ yếu;*** những hoạt động để chuyển giao kết quả nghiên cứu đến người sử dụng; dự kiến những nội dung có tính rủi ro và giải pháp khắc phục - nếu có)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

14 Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng

(Luận cứ rõ việc lựa chọn các phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng phù hợp với từng nội dung của đề tài; làm rõ tính mới, sáng tạo, độc đáo của các phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

15 Hợp tác quốc tế

Đã hợp tác	**Tên đối tác** *(Người và tổ chức khoa học và công nghệ)*	**Nội dung hợp tác** *(Ghi rõ nội dung, lý do, hình thức hợp tác, kết quả thực hiện hỗ trợ cho đề tài này)*
Dự kiến hợp tác	**Tên đối tác** *(Người và tổ chức khoa học và công nghệ)*	**Nội dung hợp tác** *(Ghi rõ nội dung cần hợp tác; lý do hợp tác; hình thức thực hiện; dự kiến kết quả hợp tác đáp ứng yêu cầu của đề tài)*

16	**Tiến độ thực hiện** (phù hợp với những nội dung đã nêu tại mục 13)			
	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện (các mốc đánh giá chủ yếu)	**Sản phẩm phải đạt**	**Thời gian** (bắt đầu, kết thúc)	**Người, cơ quan thực hiện**
1	2	3	4	5

III. DỰ KIẾN KẾT QUẢ CỦA ĐỀ TÀI

17	**Dạng kết quả dự kiến của đề tài**		
Dạng kết quả I	**Dạng kết quả II**	**Dạng kết quả III**	**Dạng kết quả IV**
☐ Mẫu (model, *maket)*	☐ Nguyên lý ứng dụng	☐ Sơ đồ, bản đồ	☐ Bài báo
☐ Sản phẩm *(có thể trở thành hàng hóa, để thương mại hóa)*	☐ Phương pháp	☐ Số liệu, Cơ sở dữ liệu	☐ Sách chuyên khảo
☐ Vật liệu	☐ Tiêu chuẩn	☐ Báo cáo phân tích	☐ Kết quả tham gia đào tạo sau đại học
☐ Thiết bị, máy móc	☐ Quy phạm	☐ Tài liệu dự báo *(phương pháp, quy trình, mô hình,...)*	☐ Sản phẩm đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ
☐ Dây chuyền công nghệ	☐ Phần mềm máy tính	☐ Đề án, quy hoạch	
☐ Giống cây trồng	☐ Bản vẽ thiết kế	☐ Luận chứng kinh tế - kỹ thuật, báo cáo nghiên cứu khả thi	
☐ Giống vật nuôi	☐ Quy trình công nghệ		
☐ Khác	☐ Khác	☐ Khác	☐ Khác

18 Yêu cầu chất lượng và số lượng về kết quả, sản phẩm KH&CN dự kiến tạo ra

(Kê khai đầy đủ, phù hợp với những dạng kết quả đã nêu tại mục 17)

18.1 Yêu cầu kỹ thuật, chỉ tiêu chất lượng đối với sản phẩm dự kiến tạo ra (dạng kết quả I)

	Tên sản phẩm cụ thể và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu của sản phẩm	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Dự kiến số lượng, quy mô sản phẩm tạo ra
			Cần đạt	Mẫu tương tự (theo các tiêu chuẩn mới nhất)		
				Trong nước	Thế giới	
1	2	3	4	5	6	7

18.2 Yêu cầu khoa học đối với sản phẩm dự kiến tạo ra (dạng kết quả II, III)

	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học dự kiến đạt được	Ghi chú
1	2	3	4

18.3 Dự kiến công bố kết quả tạo ra (dạng kết quả IV)

	Tên sản phẩm	Tạp chí, Nhà xuất bản	Ghi chú
1	2	3	4

18.4. Đánh giá một số chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của các sản phẩm, công nghệ nghiên cứu, đặc biệt là của sản phẩm, công nghệ chủ yếu dự kiến tạo ra của đề tài so với các sản phẩm tương tự trong và ngoài nước; so sánh với các phương án nhập công nghệ hoặc mua sản phẩm tương tự để đánh giá hiệu quả của đề tài (trình độ KH&CN, tính phù hợp, hiệu quả kinh tế, ...)

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

19	**Khả năng và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu**

19.1. Khả năng về thị trường (nhu cầu thị trường trong và ngoài nước, nêu tên và nhu cầu của khách hàng cụ thể nếu có; *khi nào có thể đưa sản phẩm của đề tài ra thị trường?);*

.....
.....
.....
.....
.....
.....

19.2. Khả năng về kinh tế (khả năng cạnh tranh về giá thành và chất lượng của sản phẩm)

.....
.....
.....
.....
.....

19.3. Khả năng liên doanh liên kết với các doanh nghiệp ngay trong quá trình nghiên cứu

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

19.4. Mô tả phương thức chuyển giao

(chuyển giao công nghệ trọn gói, chuyển giao công nghệ có đào tạo, chuyển giao theo hình thức trả dần theo tỷ lệ % của doanh thu, liên kết với doanh nghiệp để sản xuất hoặc góp vốn (với đơn vị phối hợp nghiên cứu hoặc với cơ sở sẽ áp dụng kết quả nghiên cứu) theo tỷ lệ đã thỏa thuận để cùng triển khai sản xuất, tự thành lập doanh nghiệp trên cơ sở kết quả nghiên cứu tạo ra, ...).

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

20 Các lợi ích mang lại và các tác động của kết quả nghiên cứu

20.1. Đối với lĩnh vực KH&CN có liên quan

(Ghi những dự kiến đóng góp vào các thành tựu nổi bật trong khoa học quốc tế, đóng góp vào tiêu chuẩn quốc tế; triển vọng phát triển theo hướng nghiên cứu của đề tài; ảnh hưởng về lý luận đến phát triển ngành khoa học, đến sáng tạo trường phái khoa học mới; ...)

.....
.....
.....
.....
.....
.....

20.2. Đối với nơi ứng dụng kết quả nghiên cứu

.....

.....

.....

.....

.....

.....

20.3. Đối với kinh tế - xã hội và môi trường

(Nêu những tác động dự kiến của kết quả nghiên cứu đối với sự phát triển kinh tế - xã hội: những luận cứ khoa học của đề tài có khả năng ảnh hưởng đến chủ trương chính sách, cơ chế quản lý cụ thể của Đảng và Nhà nước; khả năng nâng cao tiêu chuẩn văn hóa của xã hội; ảnh hưởng đến môi trường; khả năng ảnh hưởng đến sự nghiệp chăm sóc sức khỏe cộng đồng, hoặc tạo ra sản phẩm hàng hóa đáp ứng nhu cầu thị trường, góp phần tạo công ăn việc làm, nâng cao hiệu quả sản xuất, v.v...)

.....

.....

.....

.....

.....

IV. CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THAM GIA THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

21 Hoạt động của các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện đề tài

(Ghi các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện đề tài và nhiệm vụ được giao thực hiện trong đề tài, kể cả các đơn vị sản xuất hoặc những người sử dụng kết quả nghiên cứu - Những dự kiến phân công này sẽ được thể hiện bằng các hợp đồng thực hiện giữa chủ nhiệm đề tài và cơ quan chủ trì đề tài với các đơn vị, tổ chức nói trên - khi được giao nhiệm vụ chính thức hoặc sau khi trúng tuyển)

	Tên tổ chức, thủ trưởng của tổ chức	Địa chỉ	Nhiệm vụ được giao thực hiện trong đề tài	Dự kiến kinh phí
1				
2				
3				
4				
5				

22	**Cán bộ thực hiện đề tài**

(Ghi những người dự kiến đóng góp khoa học chính thuộc tổ chức chủ trì và cơ quan phối hợp tham gia thực hiện đề tài, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm đề tài - mỗi người có tên trong danh sách này cần khai báo lý lịch khoa học theo Biểu B1-4-LLCN.SĐ)

	Họ và tên	**Cơ quan công tác**	**Thời gian làm việc cho đề tài** (Số tháng quy đổi[3])
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ

(Giải trình chi tiết xem phụ lục kèm theo)

Đơn vị: triệu đồng

23	**Kinh phí thực hiện đề tài phân theo các khoản chi**						
	Nguồn kinh phí	**Tổng số**	**Trong đó**				
			Công lao động (khoa học, phổ thông)	**Nguyên, vật liệu, năng lượng**	**Thiết bị, máy móc**	**Xây dựng, sửa chữa nhỏ**	**Chi khác**
1	2	3	4	5	6	7	8
1	**Tổng kinh phí** *Trong đó:* Ngân sách SNKH: - Năm thứ nhất:						

[3] Một (01) tháng quy đổi là tháng gồm 22 ngày làm việc, mỗi ngày làm việc gồm 08 tiếng.

1	2	3	4	5	6	7	8
2	- Năm thứ hai: - Năm thứ ba: Các nguồn vốn khác - Vốn tự có của cơ sở - Khác (vốn huy động, ...)						

....., ngày..... tháng..... năm 200...

Thủ trưởng
Cơ quan chủ trì đề tài
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Chủ nhiệm đề tài
(Họ tên và chữ ký)

Thủ trưởng
Cơ quan chủ quản đề tài[4]
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Bộ Khoa học và Công nghệ[5]
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

[4] Chỉ ký tên, đóng dấu khi đề tài được phê duyệt
[5] Chỉ ký tên, đóng dấu khi đề tài được phê duyệt

Phụ lục

DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ TÀI

(Theo nội dung chi)

Đơn vị: triệu đồng

Số thứ tự	Nội dung các khoản chi	Tổng số		Nguồn vốn					
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	SNKH				Tự có	Khác
				Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Công lao động (khoa học, phổ thông)								
2	Nguyên, vật liệu, năng lượng								
3	Thiết bị, máy móc								
4	Xây dựng, sửa chữa nhỏ								
5	Chi khác								
Tổng cộng:									

DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ TÀI

*(Theo nhóm mục chi)**

Đơn vị: triệu đồng

Số thứ tự	Nhóm mục chi	Tổng số		Nguồn vốn					
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	SNKH				Tự có	Khác
				Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	Nhóm 1: Thanh toán cá nhân								
	(bao gồm các mục chi: 100, 101, 102, 106)								
II	Nhóm 2: Nghiệp vụ chuyên môn								
	(bao gồm các mục chi: 109, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 117, 119)								
III	Nhóm 3: Mua sắm sửa chữa								
	(bao gồm các mục chi: 118, 144, 145, 157)								
IV	Nhóm 4: Các khoản chi khác								
	(bao gồm các mục chi: 134,...)								
	Tổng cộng:								

* Ghi chú: *Các mục chi của Hệ thống Mục lục Ngân sách nhà nước được ban hành theo Quyết định số 280/TC-QĐ-NSNN ngày 15/4/1997của Bộ trưởng Bộ Tài chính và được sửa đổi, bổ sung tại các Quyết định số 26/2004/QĐ-BTC ngày 18/3/2004 và Quyết định số 23/2005/QĐ-BTC ngày 15/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.*

GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

Khoản 1. Công lao động (khoa học, phổ thông) *Đơn vị: triệu đồng*

Số thứ tự	Mục chi	Nội dung	Tổng kinh phí	Nguồn vốn					
				SNKH				Tự có	Khác
				Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1		Thuê khoán lao động khoa học							
2		Thuê khoán lao động phổ thông							
		Cộng							

Khoản 2. Nguyên vật liệu, năng lượng

Đơn vị: triệu đồng

Số thứ tự	Mục chi	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn					
							SNKH				Tự có	Khác
							Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1		Nguyên, vật liệu										
2		Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng										
3		Năng lượng, nhiên liệu										
		- Than										
		- Điện	kW/h									
		- Xăng, dầu										
		- Nhiên liệu khác										
4		Nước	m^3									
5		Mua sách, tài liệu, số liệu										
		Cộng:										

Khoản 3. Thiết bị, máy móc

Đơn vị: triệu đồng

Số thứ tự	Mục chi	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn					
							SNKH				Tự có	Khác
							Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I		***Thiết bị hiện có tham gia thực hiện đề tài*** (chỉ ghi tên thiết bị và giá trị còn lại, không cộng vào tổng kinh phí của Khoản 3)										
II		***Thiết bị mua mới***										
1		Mua thiết bị, công nghệ										
2		Mua thiết bị thử nghiệm, đo lường										
3		Mua bằng sáng chế, bản quyền										

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
4		Mua phần mềm máy tính										
III		***Khấu hao thiết bị*** (chỉ khai mục này khi cơ quan chủ trì là doanh nghiệp)										
IV		***Thuê thiết bị*** (ghi tên thiết bị, thời gian thuê)										
V		***Vận chuyển lắp đặt***										
		Cộng:										

Khoản 4. Xây dựng, sửa chữa nhỏ

Đơn vị: triệu đồng

Số thứ tự	Mục chi	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn					
				SNKH				Tự có	Khác
				Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba		
1		Chi phí xây dựng.... m^2 nhà xưởng, PTN							
2		Chi phí sửa chữa..... m^2 nhà xưởng, PTN							
3		Chi phí lắp đặt hệ thống điện, nước							
4		Chi phí khác							
		Cộng:							

Khoản 5. Chi khác

Đơn vị: triệu đồng

Số thứ tự	Mục chi	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn					
				SNKH				Tự có	Khác
				Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1		***Công tác trong nước*** (địa điểm, thời gian, số lượt người)							
2		***Hợp tác quốc tế***							
a		Đoàn ra (nước đến, số người, số ngày, số lần,...)							
b		Đoàn vào (số người, số ngày, số lần...)							
3		***Kinh phí quản lý*** (của cơ quan chủ trì)							
4		***Chi phí đánh giá, kiểm tra nội bộ, nghiệm thu các cấp***							
		- Chi phí kiểm tra trung gian							
		- Chi nghiệm thu trung gian							
		- Chi phí nghiệm thu nội bộ							
		- Chi phí nghiệm thu ở cấp quản lý đề tài							
5		***Chi khác***							
		- Hội thảo							

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
		- Hội nghị							
		- Ấn loát tài liệu, văn phòng phẩm							
		- Dịch tài liệu							
		- Đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ							
		- Khác							
6		***Phụ cấp chủ nhiệm đề tài***							
		Cộng:							

B1-2-TMDA.SĐ

THUYẾT MINH DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM[1]

(Kèm theo Quyết định số 20/2005/QĐ-BKHCN ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1 Tên dự án	**2 Mã số**
3 Thời gian thực hiện: ..... tháng **(Từ tháng ...../200.... đến tháng ...../200....)**	**4 Cấp quản lý** Nhà nước ☐ Bộ ☐ Cơ sở ☐ Tỉnh ☐
5 ☐ **Thuộc Chương trình** (ghi rõ tên chương trình, nếu có) ☐ **Dự án độc lập**	

6 Tổng vốn thực hiện dự án..... triệu đồng, trong đó:

Nguồn	Tổng số (triệu đồng)
- Từ Ngân sách sự nghiệp khoa học	
- Vốn tự có của cơ quan chủ trì	
- Khác (liên doanh...)	

7 Kinh phí thu hồi..... triệu đồng

(..... % kinh phí hỗ trợ từ ngân sách SNKH)

Thời gian thu hồi kinh phí (sau khi Dự án kết thúc): **Đợt 1:..... tháng,**

Đợt 2:..... tháng

8 Chủ nhiệm dự án

Họ và tên:.....

Năm sinh:..... Nam/Nữ:.....

Học hàm: ..... Học vị: .....

Chức danh khoa học:.....

Chức vụ: .....

Điện thoại: Cơ quan:..... Nhà riêng:..... Mobile:.....

Fax: ..... E-mail:.....

Tên cơ quan đang công tác:.....

Địa chỉ cơ quan:.....

Địa chỉ nhà riêng: .....

[1] Thuyết minh được trình bày và in ra trên khổ giấy A4. Dưới đây Dự án sản xuất thử nghiệm được gọi tắt là Dự án

9 Tổ chức chủ trì thực hiện Dự án

Tên tổ chức chủ trì Dự án:

.....

Điện thoại:..... Fax: .....

E-mail: .....

Website: .....

Địa chỉ:.....

Họ và tên thủ trưởng cơ quan: .....

Số tài khoản:.....

Ngân hàng:.....

Tên cơ quan chủ quản dự án:.....

.....

10 Tổ chức tham gia chính

10.1. Tổ chức chịu trách nhiệm về công nghệ

Tên tổ chức chịu trách nhiệm về công nghệ:.....

.....

Điện thoại:..... Fax:.....

E-mail:.....

Website:.....

Địa chỉ:.....

Họ và tên thủ trưởng cơ quan:.....

Người chịu trách nhiệm chính về công nghệ của Dự án:.....

.....

10.2. Tổ chức khác

Tên tổ chức:.....

.....

Điện thoại:..... Fax:.....

E-mail:.....

Website:.....

Địa chỉ:.....

Họ và tên thủ trưởng cơ quan:.....

11 Cán bộ thực hiện Dự án

(Ghi những người dự kiến đóng góp khoa học chính thuộc tổ chức chủ trì và cơ quan phối hợp tham gia thực hiện dự án, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm dự án - mỗi người có tên trong danh sách này cần khai báo lý lịch khoa học theo Biểu B1-4-LLCN.SĐ)

	Họ và tên	Cơ quan công tác	Thời gian làm việc cho dự án (Số tháng quy đổi[2])
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			

12 Xuất xứ

[Ghi rõ xuất xứ của Dự án từ một trong các nguồn sau:

- Từ kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (R&D) đã được Hội đồng khoa học và công nghệ các cấp đánh giá nghiệm thu, kiến nghị (tên đề *tài, thuộc Chương trình khoa học và công nghệ cấp Nhà nước (nếu có), mã số, ngày tháng năm đánh giá nghiệm thu; kèm theo Biên bản đánh giá nghiệm thu/Quyết định công nhận kết quả đánh giá nghiệm thu của cấp có thẩm quyền)*

- Từ sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm khoa học được giải thưởng khoa học và công nghệ (tên văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp)

- Kết quả khoa học công nghệ từ nước ngoài (*hợp đồng chuyển giao công nghệ; tên văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp nếu có; nguồn gốc, xuất xứ, hồ sơ liên quan)]*

.....

.....

.....

.....

[2] Một (01) tháng quy đổi là tháng gồm 22 ngày làm việc, mỗi ngày làm việc gồm 8 tiếng

13	**Luận cứ về tính cấp thiết, khả thi và hiệu quả của Dự án**

13.1. Luận cứ về công nghệ là xuất xứ của Dự án đã nêu tại mục 12 và công nghệ dự kiến đạt được của Dự án (tính mới, ưu việt, tiên tiến của công nghệ; trình độ công nghệ so với công nghệ hiện có ở Việt Nam, khả năng triển khai công nghệ trong nước, tính phù hợp của công nghệ đối với phương án sản xuất và yêu cầu của thị trường,...).

.....

.....

.....

.....

13.2. Lợi ích kinh tế, khả năng thị trường và cạnh tranh của sản phẩm Dự án (hiệu quả kinh tế mang lại khi áp dụng kết quả của Dự án; khả năng mở rộng thị trường ở trong nước và xuất khẩu: nêu rõ các yếu tố chủ yếu làm tăng khả năng cạnh tranh về chất lượng, giá thành của sản phẩm dự án so với các sản phẩm cùng loại, chẳng hạn: sử dụng nguồn nguyên liệu trong nước, giá nhân công rẻ, phí vận chuyển thấp, tính ưu việt của công nghệ...).

.....

.....

.....

.....

13.3. Tác động của kết quả Dự án đến kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng (tác động của sản phẩm Dự án đến phát triển KT - XH, môi trường, khả năng tạo thêm việc làm, ngành nghề mới ảnh hưởng đến sức khỏe con người, đảm bảo an ninh, quốc phòng...).

.....

.....

.....

.....

13.4. Năng lực thực hiện Dự án (mức độ cam kết và năng lực thực hiện của các tổ chức tham gia chính trong Dự án: năng lực khoa học, công nghệ của người thực hiện và cơ sở vật chất - kỹ thuật, các cam kết bằng hợp đồng về mức đóng góp vốn, sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật, lao động, bao tiêu sản phẩm, phân chia lợi ích về khai thác quyền sở hữu trí tuệ, chia sẻ rủi ro)

.....

.....

.....

.....

13.5. Khả năng ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng kết quả của Dự án (nêu rõ phương án về tổ chức sản xuất; nhân rộng, chuyển giao công nghệ; thành lập doanh nghiệp mới để sản xuất-kinh doanh,...).

.....

.....

.....

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TRIỂN KHAI DỰ ÁN

14 Mục tiêu

14.1. Mục tiêu của Dự án sản xuất[3] hoặc chuyển giao công nghệ đặt ra (chất lượng sản phẩm; quy mô sản xuất);

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

14.2. Mục tiêu của Dự án sản xuất thử nghiệm (trình độ công nghệ, quy mô sản phẩm)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

[3] Dự án sản xuất là phương án triển khai sau khi Dự án sản xuất thử nghiệm kết thúc.

15 Nội dung

***15.1. Mô tả công nghệ, sơ đồ hoặc quy trình công nghệ* (là xuất xứ của Dự án) để triển khai trong Dự án**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

15.2. Phân tích những vấn đề mà Dự án cần giải quyết về công nghệ (hiện trạng của công nghệ và việc hoàn thiện, thử nghiệm tạo ra công nghệ mới; nắm vững, làm chủ quy trình công nghệ và các thông số kỹ thuật; ổn định chất lượng sản phẩm, chủng loại sản phẩm; nâng cao khối lượng sản phẩm cần sản xuất thử nghiệm để khẳng định công nghệ và quy mô của Dự án sản xuất thử nghiệm);

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

15.3. Liệt kê và mô tả nội dung, các bước công việc cần thực hiện để giải quyết những vấn đề đặt ra, kể cả đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật đáp ứng cho việc thực hiện Dự án sản xuất thử nghiệm.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

16 Phương án triển khai

16.1. Phương án tổ chức sản xuất thử nghiệm:

a) Phương thức tổ chức thực hiện:

(- Đối với đơn vị chủ trì là doanh nghiệp: cần làm rõ năng lực thử nghiệm và hoàn thiện công nghệ theo mục tiêu trong Dự án; phương án liên doanh, phối hợp với các tổ chức KH&CN trong việc phát triển, hoàn thiện công nghệ;

- Đối với đơn vị chủ trì là tổ chức khoa học và công nghệ: cần khẳng định rõ về năng lực thử nghiệm và hoàn thiện công nghệ theo mục tiêu của Dự án; việc liên doanh với doanh nghiệp để tổ chức sản xuất thử nghiệm (kế hoạch/phương án của doanh nghiệp về bố trí địa điểm, điều kiện cơ sở vật chất, đóng góp về vốn, về nhân lực, về khả năng tiêu thụ sản phẩm của Dự án phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức phân chia lợi nhuận;...)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

b) Mô tả, phân tích và đánh giá các điều kiện triển khai Dự án:

- Địa điểm thực hiện Dự án (nêu địa chỉ cụ thể, nêu thuận lợi và hạn chế về cơ sở hạ tầng như giao thông, liên lạc, điện nước.... của địa bàn triển khai Dự án); nhà xưởng, mặt bằng hiện có (m^2), dự kiến cải tạo, mở rộng,.....;

- Trang thiết bị chủ yếu đảm bảo cho triển khai Dự án sản xuất thử nghiệm (làm rõ những trang thiết bị đã có, bao gồm cả liên doanh với các đơn vị tham gia, trang thiết bị cần thuê, mua hoặc tự thiết kế chế tạo; khả năng cung ứng trang thiết bị của thị trường cho Dự án;.....);

- Nguyên vật liệu (khả năng cung ứng nguyên vật liệu chủ yếu cho quá trình sản xuất thử nghiệm, làm rõ những nguyên vật liệu cần nhập của nước ngoài;.....);

- Nhân lực cần cho triển khai Dự án: số cán bộ KHCN và công nhân lành nghề tham gia thực hiện Dự án; kế hoạch tổ chức nhân lực tham gia Dự án; nhu cầu đào tạo phục vụ Dự án (số lượng cán bộ, kỹ thuật viên, công nhân).

- Môi trường (đánh giá tác động môi trường do việc triển khai Dự án và giải pháp khắc phục);

.....

.....

.....

.....

16.2. Phương án tài chính (phân tích và tính toán tài chính của quá trình thực hiện Dự án) trên cơ sở:

- Tổng vốn đầu tư để triển khai Dự án, trong đó nêu rõ vốn cố định, vốn lưu động cho một khối lượng sản phẩm cần thiết trong một chu kỳ sản xuất thử nghiệm để có thể tiêu thụ và tái sản xuất cho đợt sản xuất thử nghiệm tiếp theo (trong trường hợp cần thiết);
- Phương án huy động và sử dụng các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước tham gia Dự án (kèm theo các văn bản pháp lý minh chứng cho việc huy động các nguồn vốn: báo cáo tài chính của doanh nghiệp trong 2 - 3 năm gần nhất; cam kết cho vay vốn hoặc bảo lãnh vay vốn của ngân hàng; cam kết pháp lý về việc đóng góp vốn của các tổ chức tham gia Dự án,...);
- Phương án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước (các nội dung chi bằng nguồn vốn này).
- Tính toán, phân tích giá thành sản phẩm của Dự án (theo từng loại sản phẩm của Dự án nếu có); thời gian thu hồi vốn.

Các số liệu cụ thể của phương án tài chính được trình bày tại các bảng 1-5 và các phụ lục 1-7)

16.3. Dự báo nhu cầu thị trường và phương án kinh doanh sản phẩm của Dự án (giải trình và làm rõ thêm các bảng tính toán và phụ lục kèm theo bảng 3-5, phụ lục 9);

- Dự báo nhu cầu thị trường (dự báo nhu cầu chung và thống kê danh mục các đơn đặt hàng hoặc hợp đồng mua sản phẩm Dự án);
- Phương án tiếp thị sản phẩm của Dự án (tuyên truyền, quảng cáo, xây dựng trang web, tham gia hội chợ triển lãm, trình diễn công nghệ, tờ rơi,...);
- Phân tích giá thành, giá bán dự kiến của sản phẩm trong thời gian sản xuất thử nghiệm; giá bán khi ổn định sản xuất (so sánh với giá sản phẩm nhập khẩu, giá thị trường trong nước hiện tại; dự báo xu thế giá sản phẩm cho những năm tới); các phương thức hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm Dự án;
- Phương án tổ chức mạng lưới phân phối sản phẩm khi phát triển sản xuất quy mô công nghiệp.

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

17 Sản phẩm của Dự án

[Phân tích, làm rõ các thông số và so sánh với các sản phẩm cùng loại trong nước và của nước ngoài: (i)Dây chuyền công nghệ, các thiết bị, quy trình công nghệ đã được ổn định (quy mô, các thông số và tiêu chuẩn kỹ thuật); (ii)Sản phẩm đăng ký sở hữu công nghiệp; (iii)Ấn phẩm; (iv)Đào tạo cán bộ; (v)Sản phẩm sản xuất thử nghiệm (chủng loại, khối lượng, tiêu chuẩn chất lượng)].

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

18 Phương án phát triển của Dự án sau khi kết thúc

18.1. Phương thức triển khai [Mô tả rõ phương án triển khai lựa chọn trong các loại hình sau đây: (i)Đưa vào sản xuất công nghiệp của doanh nghiệp; (ii)Nhân rộng, chuyển giao kết quả của Dự án; (iii)Liên doanh, liên kết; (iv)Thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ mới để tiến hành sản xuất - kinh doanh; (v)Hình thức khác: Nêu rõ].

.....

.....

.....

.....

.....

18.2. Quy mô sản xuất (công nghệ, nhân lực, sản phẩm,...)

.....

.....

.....

.....

.....

18.3. Tổng số vốn của Dự án sản xuất.

.....

.....

.....

.....

III. PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH CỦA DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM

Tổng kinh phí cần thiết để triển khai Dự án sản xuất thử nghiệm = Vốn cố định của Dự án sản xuất - Giá trị còn lại của thiết bị và nhà xưởng đã có + Kinh phí hỗ trợ công nghệ + vốn lưu động.

*** Vốn cố định của Dự án sản xuất gồm:** (i)Thiết bị, máy móc đã có (giá trị còn lại); (ii)Thiết bị, máy móc mua mới; (iii)Nhà xưởng đã có (giá trị còn lại); (iv)Nhà xưởng xây mới hoặc cải tạo.

*** Vốn lưu động**: chỉ tính chi phí để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất cho đợt sản xuất thử nghiệm tiếp theo.

*** Kinh phí hỗ trợ công nghệ:** chi phí hoàn thiện, ổn định các thông số kinh tế - kỹ thuật.

Bảng 1. Tổng kinh phí đầu tư cần thiết để triển khai Dự án

Đơn vị: triệu đồng

	Nguồn vốn	Tổng cộng	Trong đó						
			Vốn cố định		Kinh phí hỗ trợ công nghệ	Vốn lưu động			
			Thiết bị, máy móc mua mới	Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo		Chi phí lao động	Nguyên vật liệu, năng lượng	Thuê thiết bị, nhà xưởng	Khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	***Ngân sách SNKH:*** - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba:								
2	***Các nguồn vốn khác*** - Vốn tự có của cơ sở - Khác (vốn huy động, ...)								
	Cộng:								

Bảng 2. Tổng chi phí và giá thành sản phẩm

(Trong thời gian thực hiện Dự án)

	Nội dung	Tổng số chi phí (1000 đ)	Trong đó theo sản phẩm			Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
A	**Chi phí trực tiếp**					
1	Nguyên vật liệu, bao bì					Phụ lục 1
2	Điện, nước, xăng dầu					Phụ lục 2
3	Chi phí lao động					Phụ lục 6
4	Sửa chữa, bảo trì thiết bị					Phụ lục 7
5	Chi phí quản lý					Phụ lục 7
B	**Chi phí gián tiếp và khấu hao tài sản cố định**					
6	Khấu hao thiết bị cho dự án - Khấu hao thiết bị cũ - Khấu hao thiết bị mới					Phụ lục 3
7	Khấu hao nhà xưởng cho dự án - Khấu hao nhà xưởng cũ - Khấu hao nhà xưởng mới					Phụ lục 5
8	Thuê thiết bị					Phụ lục 3
9	Thuê nhà xưởng					Phụ lục 5
10	Phân bổ chi phí hỗ trợ công nghệ					Phụ lục 4
11	Tiếp thị, quảng cáo					Phụ lục 7
12	Khác (trả lãi vay, các loại phí,...)					Phụ lục 7
- Tổng chi phí sản xuất thử nghiệm (A+B):						
- Giá thành 1 đơn vị sản phẩm:						

Ghi chú:

- *Khấu hao thiết bị và tài sản cố định:* tính theo quy định của Nhà nước đối với từng loại thiết bị của từng ngành kinh tế tương ứng.

- *Chi phí hỗ trợ công nghệ:* được phân bổ cho thời gian thực hiện Dự án sản xuất thử nghiệm và 01 năm đầu sản xuất ổn định (tối đa không quá 3 năm).

Bảng 3. Tổng doanh thu

(Cho thời gian thực hiện Dự án)

Thứ tự	Tên sản phẩm	Đơn vị	Số lượng	Giá bán dự kiến (1000 đ)	Thành tiền (1000 đ)
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
				Cộng:	

Bảng 4. Tổng doanh thu

(Cho 1 năm đạt 100% công suất)

Thứ tự	Tên sản phẩm	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (1000 đ)	Thành tiền (1000 đ)
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
				Cộng:	

Bảng 5. Tính toán hiệu quả kinh tế Dự án (cho 1 năm đạt 100% công suất)

Thứ tự	Nội dung	Thành tiền (1000 đ)
1	2	3
1	Tổng vốn đầu tư cho Dự án	
2	Tổng chi phí, trong một năm	
3	Tổng doanh thu, trong một năm	
4	Lãi gộp (3) - (2)	
5	Lãi ròng: (4) - (thuế + lãi vay + các loại phí)	
6	Khấu hao thiết bị, XDCB và chi phí hỗ trợ công nghệ trong 1 năm	
7	Thời gian thu hồi vốn T (năm, ước tính)	
8	Tỷ lệ lãi ròng so với vốn đầu tư, % (ước tính)	
9	Tỷ lệ lãi ròng so với tổng doanh thu, % (ước tính)	

Chú thích:

- Tổng vốn đầu tư bao gồm: tổng giá trị còn lại của thiết bị, máy móc và nhà xưởng đã có + tổng giá trị của thiết bị, máy móc mua mới và nhà xưởng bổ sung mới (kể cả cải tạo) + chi phí hỗ trợ công nghệ;

- Thuế: gồm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng và các loại thuế khác nếu có, trong 1 năm;

- Lãi vay: là các khoản lãi vay phải trả trong 1 năm.

$$\textbf{Thời gian thu hồi vốn T} = \frac{\text{Tổng vốn đầu tư}}{\text{Lãi ròng + Khấu hao}} = \frac{\quad}{\quad} = \ldots\ldots \textbf{ năm}$$

$$\textbf{Tỷ lệ lãi ròng so với vốn đầu tư} = \frac{\text{Lãi ròng}}{\text{Tổng vốn đầu tư}} \times 100 = \frac{\quad}{\quad} \times 100 = \ldots. \%;$$

$$\textbf{Tỷ lệ lãi ròng so với tổng doanh thu} = \frac{\text{Lãi ròng}}{\text{Tổng doanh thu}} \times 100 = \frac{\quad}{\quad} \times 100 = \ldots. \%;$$

18 Hiệu quả kinh tế - xã hội

(Tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, năng lượng, giảm giá thành và tăng sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa, giảm nhập khẩu, tạo công ăn việc làm, bảo vệ môi trường....)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày..... tháng..... năm 200....
Chủ nhiệm Dự án
(Họ tên và chữ ký)

Ngày..... tháng..... năm 200....
Cơ quan chủ trì Dự án
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Thủ trưởng
Cơ quan chủ quản Dự án[4]
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Bộ Khoa học và Công nghệ[5]
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

[4] Chỉ ký tên, đóng dấu khi Dự án được phê duyệt
[5] Chỉ ký tên, đóng dấu khi Dự án được phê duyệt

Phụ lục

DỰ TOÁN KINH PHÍ DỰ ÁN

(Theo nội dung chi)

Đơn vị: triệu đồng

Số thứ tự	Nội dung các khoản chi	Tổng số		Nguồn vốn					
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	Ngân sách SNKH				Tự có	Khác
				Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Thiết bị, máy móc mua mới								
2	Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo								
3	Kinh phí hỗ trợ công nghệ								
4	Chi phí lao động								
5	Nguyên vật liệu năng lượng								
6	Thuê thiết bị, nhà xưởng								
7	Chi khác								
Tổng cộng:									

DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ TÀI

*(Theo nhóm mục chi)**

Đơn vị: triệu đồng

Số thứ tự	Nhóm mục chi	Tổng số		Nguồn vốn					
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	SNKH				Tự có	Khác
				Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	Nhóm 1: Thanh toán cá nhân (bao gồm các mục chi: 100, 101, 102, 106)								
II	Nhóm 2: Nghiệp vụ chuyên môn (bao gồm các mục chi: 109, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 117, 119)								
III	Nhóm 3: Mua sắm sửa chữa (bao gồm các mục chi: 118, 144, 145, 157)								
IV	Nhóm 4: Các khoản chi khác (bao gồm các mục chi: 134, ...)								
Tổng cộng:									

* Ghi chú: *Các mục chi của Hệ thống Mục lục Ngân sách nhà nước được ban hành theo Quyết định số 280/TC-QĐ-NSNN ngày 15/4/1997 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và được sửa đổi, bổ sung tại các Quyết định số 26/2004/QĐ-BTC ngày 18/3/2004 và Quyết định số 23/2005/QĐ-BTC ngày 15/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính*

Phụ lục 1:

NHU CẦU NGUYÊN VẬT LIỆU

(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

Số thứ tự	Mục chi	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn					
							Ngân sách SNKH				Tự có	Khác
							Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1		Nguyên, vật liệu chủ yếu										
2		Nguyên, vật liệu phụ										
3		Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng										
		Cộng:										

Phụ lục 2:

NHU CẦU ĐIỆN, NƯỚC, XĂNG DẦU

(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

Số thứ tự	Mục chi	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn					
							Ngân sách SNKH				Tự có	Khác
							Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1		***Về điện:*** - Điện sản xuất: Tổng công suất thiết bị, máy móc .....kW	*kW/h*									
2		***Về nước:***	m^3									
3		***Về xăng dầu:*** - Cho thiết bị sản xuất ..... tấn - Cho phương tiện vận tải ..... tấn	*Tấn*									
		Cộng:										

Phụ lục 3a

YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ, MÁY MÓC

Đơn vị: triệu đồng

A. Thiết bị hiện có *(tính giá trị còn lại)*

Số thứ tự	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
I	**Thiết bị công nghệ**				
1					
2					
3					
4					
II	**Thiết bị thử nghiệm, đo lường**				
1					
2					
3					
4					
				Cộng:	

Phụ lục 3b.

YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ, MÁY MÓC

B. Thiết bị mới bổ sung, thuê thiết bị

Đơn vị: triệu đồng

Số thứ tự	Mục chi	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn					
							Ngân sách SNKH				Tự có	Khác
							Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1		Mua thiết bị công nghệ										
2		Mua thiết bị thử nghiệm, đo lường										
3		Mua bằng sáng chế, bản quyền										
4		Mua phần mềm máy tính										
5		Vận chuyển lắp đặt										
6		Thuê thiết bị (nêu các thiết bị cần thuê, giá thuê và chỉ ghi vào cột 7 để tính vốn lưu động)										
		Cộng:										

* Chú ý: Ngân sách Nhà nước chỉ hỗ trợ **mua nguyên chiếc** thiết bị, máy móc.

Phụ lục 4

CHI PHÍ HỖ TRỢ CÔNG NGHỆ

Đơn vị: triệu đồng

Số thứ tự	Mục chi	Nội dung	Chi phí	Nguồn vốn					
				Ngân sách SNKH				Tự có	Khác
				Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
A		**Chi phí hỗ trợ cho các hạng mục công nghệ (kể cả công nghệ nhập)**							
1		- Hoàn thiện, nắm vững và làm chủ quy trình công nghệ							
2		- Hoàn thiện các thông số về kỹ thuật							
3		- Ổn định các thông số và chất lượng nguyên vật liệu đầu vào							
4		- Ổn định chất lượng sản phẩm; về khối lượng sản phẩm cần sản xuất thử nghiệm							
5		.....							
B		**Chi phí đào tạo công nghệ**							
1		- Cán bộ công nghệ							
2		- Công nhân vận hành							
3		.....							
		Cộng							

Phụ lục 5

ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG

A. Nhà xưởng đã có (giá trị còn lại)

Đơn vị: triệu đồng

Số thứ tự	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					
Cộng A:					

B. Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo

Đơn vị: triệu đồng

Số thứ tự	Mục chi	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn					
				Ngân sách SNKH				Tự có	Khác
				Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba		
1		Xây dựng nhà xưởng mới							
2		Chi phí sửa chữa cải tạo							
3		Chi phí lắp đặt hệ thống điện							
4		Chi phí lắp đặt hệ thống nước							
5		Chi phí khác							
		Cộng B:							

Phụ lục 6

CHI PHÍ LAO ĐỘNG

(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

Số thứ tự	Mục chi	Nội dung	Số người	Số tháng	Chi phí tr.đ/ người/ tháng	Thành tiền	Nguồn vốn					
							Ngân sách SNKH				Tự có	Khác
							Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1		Chủ nhiệm Dự án										
2		Kỹ sư										
3		Nhân viên kỹ thuật										
4		Công nhân										
		Cộng										

Phụ lục 7

CHI KHÁC CHO DỰ ÁN

Đơn vị: triệu đồng

Số thứ tự	Mục chi	Nội dung	Thành tiền	Nguồn vốn					
				Ngân sách SNKH				Tự có	Khác
				Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1		**Công tác phí** - Trong nước - Ngoài nước							
2		**Quản lý phí** - Quản lý hành chính thực hiện Dự án - Tiếp thị, quảng cáo, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm							
3		**Sửa chữa, bảo trì thiết bị**							
4		**Chi phí kiểm tra, đánh giá nghiệm thu:** - Chi phí kiểm tra trung gian - Chi phí nghiệm thu cấp cơ sở (bên B) - Chi phí nghiệm thu cấp Nhà nước, cấp Bộ/Tỉnh (bên A)							

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
5		**Chi khác:** - Hội thảo, hội nghị, - Đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ, - Báo cáo tổng kết, - In ấn, - Phụ cấp chủ nhiệm dự án,...							
		Cộng							

Phụ lục 8

KẾ HOẠCH TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

Số thứ tự	Nội dung công việc	Tháng																								
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	...
1	2	3																								
1	Sửa chữa, xây dựng nhà xưởng																									
2	Hoàn thiện công nghệ																									
3	Chế tạo, mua thiết bị																									
4	Lắp đặt thiết bị																									
5	Đào tạo công nhân																									
6	Sản xuất thử nghiệm (các đợt)																									
7	Thử nghiệm mẫu																									
8	Hiệu chỉnh công nghệ																									
9	Đánh giá nghiệm thu																									

Phụ lục 9

VỀ KHẢ NĂNG CHẤP NHẬN CỦA THỊ TRƯỜNG

I. Nhu cầu thị trường

Số thứ tự	Tên sản phẩm	Đơn vị đo	Số lượng			Chú thích
			200..	200..	200..	
1	2	3	4	5	6	8
1						
2						

II. Phương án sản phẩm

Số thứ tự	Tên sản phẩm	Đơn vị đo	Số lượng			Tổng số	Cơ sở tiêu thụ
			200..	200..	200..		
1	2	3	4	5	6	7	8
1							
2							

III. Danh mục chỉ tiêu chất lượng sản phẩm

Số thứ tự	Tên sản phẩm và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Ghi chú
			Cần đạt	Tương tự mẫu		
				Trong nước	Thế giới	
1	2	3	4	5	6	7
1						
2						

B1-3-LLTC

TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ[1] CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN

(Kèm theo Quyết định số 20/2005/QĐ-BKHCN ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

1. ***Tên tổ chức***

Năm thành lập

Địa chỉ

Điện thoại: Fax:

E-mail:

2. Chức năng, nhiệm vụ và loại hình hoạt động KH&CN hoặc sản xuất kinh doanh liên quan đến Đề tài, Dự án SXTN tuyển chọn

3. Tổng số cán bộ có trình độ đại học trở lên của tổ chức

Thứ tự	Cán bộ có trình độ đại học trở lên	Tổng số
1	Tiến sỹ	
2	Thạc sỹ	
3	Đại học	

[1] Mẫu tóm tắt hoạt động KH&CN của Tổ chức được trình bày và in ra trên khổ giấy A4

4. Số cán bộ nghiên cứu của tổ chức trực tiếp tham gia Đề tài, Dự án SXTN tuyển chọn

Thứ tự	Cán bộ có trình độ đại học trở lên	Số trực tiếp tham gia thực hiện Đề tài, Dự án SXTN
1	Tiến sỹ	
2	Thạc sỹ	
3	Đại học	

5. ***Kinh nghiệm và thành tựu KH&CN trong 5 năm gần nhất liên quan đến Đề tài, Dự án SXTN tuyển chọn của các cán bộ trong tổ chức trực tiếp tham gia đề tài, dự án SXTN đã kê khai ở mục 4 trên đây*** (nêu lĩnh vực chuyên môn có kinh nghiệm, số năm kinh nghiệm, tên các đề tài/dự án đã chủ trì hoặc tham gia, những công trình đã áp dụng vào sản xuất và đời sống, thành tựu hoạt động KH&CN và sản xuất kinh doanh khác,...)

6. Cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có liên quan đến Đề tài, Dự án SXTN tuyển chọn:

- Nhà xưởng:

- Trang thiết bị chủ yếu:

7. Khả năng huy động các nguồn vốn khác (ngoài NS SNKH) cho việc thực hiện Đề tài, Dự án SXTN đăng ký tuyển chọn

- Vốn tự có: ..... triệu đồng (văn bản chứng minh kèm theo).
- Nguồn vốn khác: ..... triệu đồng (văn bản chứng minh kèm theo).

....., ngày..... tháng..... năm 200...

THỦ TRƯỞNG

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN

(Họ tên và chữ ký của người lãnh đạo tổ chức, đóng dấu)

B1-4-LLCN.SĐ

LÝ LỊCH KHOA HỌC
CỦA CÁ NHÂN THỰC HIỆN CHÍNH ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN[1]
(Kèm theo Quyết định số 20/2005/QĐ-BKHCN ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN: ☐
ĐĂNG KÝ THAM GIA THỰC HIỆN ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN[2]: ☐

1. Họ và tên:
2. Năm sinh: **3.** Nam/Nữ:
4. Học hàm: Năm được phong học hàm: Học vị: Năm đạt học vị:
5. Chức danh nghiên cứu: Chức vụ:
6. Địa chỉ nhà riêng:
7. Điện thoại: **CQ:** **; NR:** **; Mobile:** **8.** Fax: E-mail:
9. Cơ quan - nơi làm việc của cá nhân đăng ký chủ nhiệm Đề tài, Dự án: Tên người Lãnh đạo Cơ quan: Điện thoại người Lãnh đạo Cơ quan: Địa chỉ Cơ quan:

10. Quá trình đào tạo

Bậc đào tạo	Nơi đào tạo	Chuyên môn	Năm tốt nghiệp
Đại học			
Thạc sỹ			
Tiến sỹ			
Thực tập sinh khoa học			

[1] Mẫu Lý lịch này dùng cho các cá nhân đăng ký chủ trì hoặc tham gia thực hiện chính đề tài NCCB, KHXH, KHCN hoặc dự án SXTN (gọi tắt là dự án). Lý lịch được trình bày và in ra trên khổ giấy A4.

[2] Nếu đăng ký tham gia, ghi số thứ tự theo mục 17 bản Thuyết minh đề tài NCCB, mục 22 Thuyết minh đề tài KHXH và Thuyết minh đề tài KHCN hoặc mục 11 bản Thuyết minh dự án SXTN tương ứng.

11. Quá trình công tác

Thời gian *(Từ năm... đến năm...)*	Vị trí công tác	Cơ quan công tác	Địa chỉ Cơ quan

12. Các công trình công bố chủ yếu

(liệt kê tối đa 05 công trình tiêu biểu đã công bố liên quan đến đề tài, dự án tuyển chọn trong 5 năm gần nhất)

Thứ tự	Tên công trình *(bài báo, công trình...)*	Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình	Nơi công bố *(tên tạp chí đã đăng công trình)*	Năm công bố
1				
2				

13. Số lượng văn bằng bảo hộ sở hữu trí tuệ đã được cấp

(liên quan đến đề tài, dự án tuyển chọn - nếu có)

Thứ tự	Tên và nội dung văn bằng	Năm cấp văn bằng
1		
2		

14. Số công trình được áp dụng trong thực tiễn

(liên quan đến đề tài, dự án tuyển chọn - nếu có)

Thứ tự	Tên công trình	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Thời gian *(bắt đầu - kết thúc)*
1			
2			

15. Các đề tài, dự án, nhiệm vụ khác đã chủ trì hoặc tham gia
(trong 5 năm gần đây thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, dự án tuyển chọn - nếu có)

Tên đề tài,dự án, nhiệm vụ khác đã chủ trì	*Thời gian* (bắt đầu - kết thúc)	*Thuộc Chương trình* (nếu có)	*Tình trạng đề tài* (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)
Tên đề tài,dự án, nhiệm vụ khác đã tham gia	*Thời gian* (bắt đầu - kết thúc)	*Thuộc Chương trình* (nếu có)	*Tình trạng đề tài* (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)

16. Giải thưởng
(về KH&CN, về chất lượng sản phẩm,... liên quan đến đề tài, dự án tuyển chọn - nếu có)

Thứ tự	Hình thức và nội dung giải thưởng	Năm tặng thưởng

17. Thành tựu hoạt động KH&CN và sản xuất kinh doanh khác
(liên quan đến đề tài, dự án tuyển chọn - nếu có)

....., ngày..... tháng..... năm 200...

TỔ CHỨC - NƠI LÀM VIỆC CỦA CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM (HOẶC THAM GIA THỰC HIỆN CHÍNH) ĐỀ TÀI, DỰ ÁN[3]
(Xác nhận và đóng dấu)

Đơn vị đồng ý và sẽ dành thời gian cần thiết để Ông, Bà... chủ trì (tham gia) thực hiện Đề tài, Dự án

CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM (HOẶC THAM GIA THỰC HIỆN CHÍNH) ĐỀ TÀI, DỰ ÁN
(Họ tên và chữ ký)

[3] Nhà khoa học không thuộc tổ chức KH&CN nào thì không cần làm thủ tục xác nhận này.

B1-5-PHNC.SĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
_____o0o_____

GIẤY XÁC NHẬN PHỐI HỢP THỰC HIỆN[1] ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN CẤP NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 20/2005/QĐ-BKHCN ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Kính gửi: **Bộ Khoa học và Công nghệ**

1. Tên Đề tài, Dự án SXTN đăng ký tuyển chọn:

.....
.....
.....
.....
.....

Thuộc Chương trình KH&CN (nếu có):

.....

Mã số của Chương trình: .....

Thuộc lĩnh vực KH&CN:

.....

2. Tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì Đề tài, Dự án SXTN

- Tên tổ chức đăng ký chủ trì Đề tài, Dự án SXTN

.....
.....
.....

- Họ và tên, học vị, chức vụ của cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm Đề tài, Dự án SXTN

---

[1] Giấy xác nhận được trình bày và in trên khổ giấy A4

.....

3. Tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện Đề tài, Dự án SXTN

- Tên tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện Đề tài, Dự án SXTN

.....

Địa chỉ .....

Điện thoại .....

Nội dung công việc tham gia trong đề tài *(và kinh phí tương ứng)* của tổ chức phối hợp nghiên cứu đã được thể hiện trong bản Thuyết minh Đề tài, Dự án SXTN của Hồ sơ đăng ký tuyển chọn gửi Bộ Khoa học và Công nghệ.

Khi Hồ sơ trúng tuyển, chúng tôi cam đoan sẽ hoàn thành những thủ tục pháp lý do Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi bên để thực hiện tốt nhất và đúng thời hạn mục tiêu, nội dung và sản phẩm của Đề tài, Dự án SXTN.

....., *ngày..... tháng..... năm 200..*

CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN
(Họ, tên và chữ ký)

THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ PHỐI HỢP THỰC HIỆN ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)